

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 12 - 2020
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN – TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Tuấn Sỹ.

Bà Đào Hoàng Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị A; địa chỉ cư trú: Số 7* (nay là số 1**), khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T; địa chỉ cư trú: Số 2*, N, khối 5, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày:

Ngày 09/3/2015, chị và anh Phạm Văn T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L. Trước khi kết hôn với chị, anh Phạm Văn T đã có vợ (đã ly hôn) và hai con riêng, anh Phạm Văn T theo đạo Thiên chúa giáo, do vợ cũ anh Phạm Văn T chưa chết nên chị

không được gia đình anh Phạm Văn T chấp nhận, không tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc tại nhà riêng của anh Phạm Văn T được khoảng 06 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Phạm Văn T thường xuyên nghi ngờ chị không chung thủy, ghen tuông vô cớ, chị đã bỏ đi nhiều lần nhưng anh Phạm Văn T xin lỗi, hứa sẽ thay đổi nên chị bỏ qua và tiếp tục về chung sống. Trong quá trình chung sống, các con riêng của anh Phạm Văn T không có thiện cảm, không hòa hợp sống chung với chị mặc dù chị đã cố gắng để chăm lo cho các con riêng của chồng. Các thành viên gia đình anh Phạm Văn T không tôn trọng chị, về kinh tế chị và anh Phạm Văn T cũng không chia sẻ mà ai kiếm được người đó tự tiêu, không có tích góp, không có khoản tiền chung nào. Đến đầu tháng 12/2019, sau một thời gian dài chung sống, chị nhận thấy anh Phạm Văn T chơi bời, hay ghen, kinh tế không chia sẻ, con riêng của chồng không tôn trọng nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, từ đó đến nay anh chị sống ly thân, nay chị xác định không còn tình cảm với anh Phạm Văn T, chị không bao giờ quay trở về chung sống cùng anh Phạm Văn T, anh Phạm Văn T không đồng ý ly hôn là do cố ý gây khó khăn cho chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung vợ chồng đều không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên toàn, tại biên bản lấy lời khai các ngày 04 và 13/11/2020 tại nhà riêng bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị A có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L từ năm 2015, không tổ chức cưới vì lý do đúng như chị Trần Thị A đã trình bày. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sống chung chị Trần Thị A đã nhiều lần bỏ đi khỏi nhà và tự quay về. Đến tháng 12/2019, chị Trần Thị A tự bỏ đi khỏi nhà chứ không phải do anh đuổi đi, anh không biết lý do chị Trần Thị A bỏ đi và từ đó đến nay chị Trần Thị A không quay về nữa. Anh Phạm Văn T có gọi điện khuyên chị Trần Thị A quay về chung sống nhưng chị Trần Thị A không về. Anh xác định chị Trần Thị A sẽ không quay về sống chung và anh chị cũng không chung sống với nhau được nữa. Nay chị Trần Thị A xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn do chị Trần Thị A tự ý bỏ đi và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; anh và chị Trần Thị A không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hai lần không rõ lý do. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị A được ly hôn với anh Phạm Văn T là có căn cứ; về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết; về án phí: Chị Trần Thị A là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 12/8/2020, chị Trần Thị A có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Phạm Văn T, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 2*, N, khối 5, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng bị đơn anh Phạm Văn T không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị A và anh Phạm Văn T kết hôn và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, ngày 09/3/2015 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị A và anh Phạm Văn T là hợp pháp. Sau khi về chung sống được một thời gian hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không chia sẻ về kinh tế trong gia đình. Như vậy, chị Trần Thị A và anh Phạm Văn T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng, cụ thể là không còn sống chung với nhau, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Mặc dù anh Phạm Văn T không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng anh Phạm Văn T cũng thừa nhận chị Trần Thị A bỏ đi chắc chắn sẽ không quay trở về và anh chị cũng không chung sống với nhau được nữa. Qua xác minh chính quyền địa phương tại nơi đương sự cư trú được biết tình trạng hôn nhân gia đình của vợ chồng giữa chị Trần Thị A và anh Phạm Văn T có mâu thuẫn, chị Trần Thị A đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12/2019 cho đến nay. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị A và anh Phạm Văn T đã lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A là có căn cứ, cần chấp nhận, do đó cần xử cho chị Trần Thị A được ly hôn với anh Phạm Văn T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị A ly hôn với anh Phạm Văn T.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2015, quyển số 01/2014, ngày 09/3/2015 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về án phí: Chị Trần Thị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Trần Thị A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002441 ngày 16/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị A có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND p. V, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- CCTHADS TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Huyền